

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/4/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Lê Đình Can

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hồng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 607/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T , sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 6 Hàng Q , phường Hàng G , quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T , sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 94 đường C tổ 10, phường Q , quận Cầu Giấy, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

- **Về tình cảm:** Tôi và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày 17/12/1998.

Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm sống. Các mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể dung hòa được. Đến tháng 7 năm 2017, vợ tôi bỏ nhà đi đâu không rõ. Tôi và gia đình đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Trước khi bỏ đi vợ chồng tôi chung sống tại 94 đường C , tổ 10, phường Q , quận Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 30/9/2020, Tòa án quận Cầu Giấy đã ra quyết định số 08/2020/QĐST-DS tuyên bố chị T mất tích. Đến nay tôi và gia đình vẫn không có tin tức gì của chị T .

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T .

- **Về con chung:** Tôi và chị T có 02 con chung là: Phạm Minh A (nam), sinh ngày 04/5/2000 và Phạm Minh T (nữ), sinh ngày 10/8/2007. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu T . Tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Cháu A đã trưởng thành.

Tài sản (động sản và bất động sản): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về vay nợ: Tôi và chị T không có khoản vay nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí :** Tôi tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như trên và không thay đổi, bổ sung gì.

Ngoài các vấn đề trên, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa với chị Nguyễn Thị Hồng T . Song chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại tòa án.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị:

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T . Về con chung: Giao con chung là: cháu Phạm Minh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Phạm Minh A đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản: anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Về nợ: anh T xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Hồng T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại số 94 đường C , tổ 10, phường Q , quận Cầu Giấy, Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án quận Cầu Giấy đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 08/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 đối với chị Nguyễn Thị Hồng T . Tòa án cũng đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với chị Nguyễn Thị Hồng T . Song chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa. Việc Tòa án không tiến

hành hòa giải được và xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày 17/12/1998. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình cảm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T phát sinh do không hợp tính tình, quan điểm sống. Chị T đã không ở tại nơi cư trú từ tháng 6 năm 2017; Chị T đã bỏ đi ở đâu không rõ, gia đình không liên lạc được với chị T. Tòa án quận Cầu Giấy đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 08/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 đối với chị Nguyễn Thị Hồng T. Song chị T vẫn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T trong tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của anh T, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh chị, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là: Phạm Minh A (nam), sinh ngày 04/5/2000 và Phạm Minh T (nữ), sinh ngày 10/8/2007. Cháu A đã trưởng thành.

Việc giao con chung là cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản (động sản và bất động sản): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[7] Về nợ: Anh T xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Tâm vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[8] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Minh T đối với chị Nguyễn Thị Hồng T. Anh Phạm Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng T.

2. **Về con:** Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng T có 02 con chung là: Phạm Minh A (nam), sinh ngày 04/5/2000 và Phạm Minh T (nữ), sinh ngày 10/8/2007. Cháu A đã trưởng thành.

Giao con chung là cháu Phạm Minh T cho anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. **Về tài sản** (động sản, bất động sản): Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

4. **Về nợ:** Anh T xác định anh và chị T không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

5. **Về án phí:** Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0020630

ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Xác định anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T , vắng mặt chị T . Anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy.
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh